TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **178**/2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 28 tháng 8 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông Đỗ Đức T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ 21, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ 21, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T kết hôn với nhau năm 2014, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Hai vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã, nói năng xúc phạm nhau nhiều điều, có lúc đánh đập,

không tôn trọng nhau. Do mâu thuẫn xảy ra nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau.

Nay Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T xác định có 02 người con chung là Đỗ Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 24/10/2014 và Đỗ Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 24/10/2014. Ly hôn, Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9/2020 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0006248 ngày 27/7/2020.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T (Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2014, Quyển số 01

ngày 26/5/2014, tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T về việc nuôi con chung như sau:

Giao 02 con chung là Đỗ Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 24/10/2014 và Đỗ Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 24/10/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng(Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9/2020 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng Ông Đỗ Đức T và Bà Nguyễn Thị Kim T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số số 0006248 ngày 27/7/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường A, quận S;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết